

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2661** /BNV-TCBC

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2018

V/v kế hoạch số lượng người
làm việc trong các đơn vị sự nghiệp
công lập năm 2019

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 41/2012/NĐ-CP); Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2016; Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế và Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư số 14/2012/TT-BNV), Bộ Nội vụ đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là Bộ, ngành), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là địa phương) tổng hợp, báo cáo kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019 (kèm theo biểu mẫu theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2012/TT-BNV), đồng thời báo cáo làm rõ một số nội dung sau:

1. Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập; số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp (sau đây viết tắt là Nghị định số 68/2000/NĐ-CP).

Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương tổng hợp số lượng đơn vị sự nghiệp công lập; số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm năm 2015 và năm 2018 (tính đến thời điểm ngày 31/5/2018) theo 04 mức độ tự chủ: Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; đơn vị sự

ng nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên và chi đầu tư theo Biểu số 1 kèm theo.

2. Kết quả thực hiện tình giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tình giản biên chế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 108/2014/NĐ-CP), về hưu đúng tuổi và thôi việc theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm ngày 31/5/2018.

Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương tổng hợp kết quả thực hiện tình giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và số người về hưu đúng tuổi, số người thôi việc theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm ngày 31/5/2018 theo Biểu số 2 kèm theo.

3. Về số người hợp đồng lao động làm chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập có mặt tính đến thời điểm ngày 31/5/2018.

Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương báo cáo, tổng hợp số người hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo 04 mức độ tự chủ: Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên và chi đầu tư tính đến thời điểm ngày 31/5/2018 theo Biểu số 3 kèm theo.

4. Tổng hợp, báo cáo việc sử dụng viên chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước (nếu có).

Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương tổng hợp cụ thể số lượng người trong từng cơ quan, tổ chức hành chính.

5. Tổng hợp biên chế của hội có tính chất đặc thù (đối với địa phương).

a) Đối với cấp tỉnh:.....hội, số biên chế:người;

b) Đối với cấp huyện:.....hội, số biên chế:người.

6. Kế hoạch số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019.

Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương tổng hợp, báo cáo kế hoạch số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó phân định rõ theo 04 mức độ tự chủ: Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên và chi đầu tư theo Biểu số 4 kèm theo.

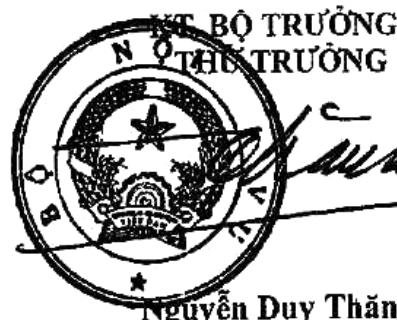
7. Đánh giá chung và đề xuất, kiến nghị.

Kế hoạch số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ, ngành, địa phương năm 2019 gửi về Bộ Nội vụ trước ngày 10/7/2018. Sau ngày 10/7/2018 bộ, ngành, địa phương không có báo cáo kế hoạch số lượng người làm việc năm 2019, căn cứ chủ trương tinh giản biên chế của Đảng, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ giao số lượng người làm việc của Bộ, ngành và thẩm định số lượng người làm việc của địa phương năm 2019 giám so với năm 2018 bằng 3,0% của năm 2015.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ về kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu, thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu: VT, TCBC (05 bản).



**SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP; SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ
HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP**

(Kèm theo công văn số 2661/BNV-TCBC ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nội vụ)

| STT | Loại hình đơn vị | Năm 2015 | | | Năm 2018 (tính đến thời điểm ngày 31/5/2018) | | |
|-----|--|-----------|---|-----------------------------------|--|-------------------|-----------------------------------|
| | | Số đơn vị | Số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao | Hợp đồng theo ND số 68/2000/NĐ-CP | Số đơn vị | Số người làm việc | Hợp đồng theo ND số 68/2000/NĐ-CP |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| | Tổng số | | | | | | |
| 1 | Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên | | | | | | |
| 2 | Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên | | | | | | |
| 3 | Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên | | | | | | |
| 4 | Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên và chi đầu tư | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

..... Ngày.....tháng.....năm 2018
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

**KẾT QUẢ SỐ NGƯỜI THỰC HIỆN TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2014/NĐ-CP VÀ
SỐ NGƯỜI VỀ HƯU ĐÚNG TUỔI VÀ THÔI VIỆC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**
(Kèm theo công văn số 2661/BNV-TCBC ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nội vụ)

| STT | Loại hình đơn vị | Tính giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP | | | Về hưu đúng tuổi theo quy định của pháp luật | Thôi việc theo quy định của pháp luật |
|-----|---------------------------------|---|----------------|--|--|---------------------------------------|
| | | Về hưu trước tuổi | Thôi việc ngay | Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương từ ngân sách nhà nước | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| | Tổng số | | | | | |
| 1 | Các cơ quan Đảng, đoàn thể | | | | | |
| 2 | Các cơ quan, tổ chức hành chính | | | | | |
| 3 | Các đơn vị sự nghiệp công lập | | | | | |
| 4 | Cán bộ, công chức cấp xã | | | | | |
| 5 | Doanh nghiệp | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

....., Ngày.....tháng.....năm 2018
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Số liệu tính đến thời điểm ngày 31/5/2018

BỘ NỘI VỤ**Biểu số 3**

**SỐ NGƯỜI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG LÀM CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**
(Kèm theo công văn số 2661/BNV-TCBC ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nội vụ)

| STT | Loại hình đơn vị | Số người hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ (tính đến thời điểm ngày 31/5/2018) | | |
|-----|--|---|-------------------------|-------------------------|
| | | Tổng cộng | Trong chỉ tiêu biên chế | Ngoài chỉ tiêu biên chế |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | Tổng số | | | |
| 1 | Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên | | | |
| 2 | Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên | | | |
| 3 | Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên | | | |
| 4 | Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên và chi đầu tư | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

....., Ngày.....tháng.....năm 2018
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

**KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ
HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2019**

(Kèm theo công văn số 2661/BNV-TCBC ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Bộ Nội vụ)

| STT | Loại hình đơn vị | Kế hoạch số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2019 | | |
|-----|--|---|-------------------|--------------------------------------|
| | | Số đơn vị | Số người làm việc | Hợp đồng theo ND số 68/2000/NĐ-CP |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | Tổng số | | | |
| 1 | Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên | | | |
| 2 | Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên | | | |
| 3 | Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên | | | |
| 4 | Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên và chi đầu tư | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

....., Ngày.....tháng.....năm 2018
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)